

Tờ hướng dẫn sử dụng thuốc

Rx. Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng. Nếu cần thêm thông tin, xin hỏi ý kiến bác sĩ hoặc dược sĩ. Thuốc này chỉ dùng theo sự kê đơn của thầy thuốc. Để xa tầm với trẻ em.



T3 Mycin Gel



THÀNH PHẦN: Gel trong suốt không màu chứa

Hoạt chất chính: Clindamycin Phosphate.... 1,2% kl/kl (tương đương với 1% Clindamycin)

Tá dược: Carbopol 940, Propylene glycol, PEG 400, Methyl paraben, Propyl paraben, Natri hydroxid 5M, nước tinh khiết.

TÁC DỤNG: Clindamycin phosphate là kháng sinh thuộc họ Lincosamide, là dẫn xuất Clo hóa của Lincomycin và được dùng để điều trị các trường hợp nhiễm khuẩn kỵ khí nghiêm trọng.

DƯỢC LỰC HỌC: : Clindamycin phosphat, một kháng sinh nhóm lincosamid, là dẫn chất gắn chlor của lincomycin được sử dụng để điều trị nhiễm khuẩn kỵ khí nặng.

DƯỢC ĐỘNG HỌC: Mặc dù clindamycin phosphat không có hoạt tính *in vitro* nhưng quá trình thủy phân *in vivo* giúp chuyển clindamycin phosphat thành clindamycin có hoạt tính kháng khuẩn. Clindamycin có hoạt tính kháng khuẩn *in vivo* trên *Propionibacterium acnes* phân lập, tác dụng này làm cho thuốc có hiệu quả điều trị mụn. Clindamycin ức chế *Propionibacterium acnes* trong tất cả các thử nghiệm nuôi cấy *in vitro* (trị số MIC là 0,4 µg/ml). Sau khi bôi clindamycin, tỷ lệ acid tự do trên bề mặt da giảm từ khoảng 14% xuống còn 2%. Clindamycin được chuyển hóa chủ yếu tại gan. Khoảng 10% liều sử dụng được đào thải qua nước tiểu dưới dạng còn hoạt tính và các chất chuyển hóa, khoảng 4% đào thải qua phân, phần còn lại đào thải dưới dạng các chất chuyển hóa không còn hoạt tính. Quá trình thải trừ thuốc diễn ra chậm và kéo dài tới vài ngày.

CHỈ ĐỊNH: điều trị mụn trứng cá thông thường, đặc biệt các trường hợp mụn trứng cá có mủ hoặc kèm viêm.

CHỐNG CHỈ ĐỊNH: quá mẫn với Lincomycin, Propylene Glycol và Clindamycin, có tiền sử viêm ruột, viêm loét kết tràng, hoặc tiền sử viêm kết tràng giả mạc do dùng kháng sinh.

TƯƠNG TÁC THUỐC: Clindamycin có đặc tính ức chế thần kinh cơ do đó có thể làm tăng tác dụng của các thuốc ức chế thần kinh khác. Vì vậy, nên thận trọng khi dùng thuốc cho những bệnh nhân đang dùng các thuốc ức chế thần kinh. *In vitro* cho thấy Clindamycin có tác động đối kháng với Erythromycin, vì vậy không nên dùng đồng thời 2 thuốc này.

TÁC DỤNG PHỤ: tiêu chảy, đi tiêu ra máu và viêm kết tràng (kể cả viêm kết tràng giả mạc) là những tác dụng phụ xảy ra ở những bệnh nhân được điều trị bằng Clindamycin tại chỗ. Những tác dụng phụ tại chỗ khác bao gồm viêm da do tiếp xúc, kích ứng (ví dụ như bandô, bong da, cảm giác bỏng rát), nhờn da, khô da, viêm nang lông do vi khuẩn gram âm.
Thông báo cho bác sĩ hoặc dược sĩ nhưng tác dụng không mong muốn gặp phải khi dùng thuốc.

THẬN TRỌNG/ CẢNH BÁO: Nên kê toa Clindamycin phosphate thận trọng cho những bệnh nhân bị quá mẫn. Clindamycin dùng ngoài được hấp thụ qua bề mặt của da. Đã có báo cáo về tiêu chảy, đi tiêu ra máu và viêm kết tràng (kể cả viêm kết tràng giả mạc) khi dùng Clindamycin toàn thân và tại chỗ.

SỬ DỤNG CHO PHỤ NỮ CÓ THAI VÀ CHO CON BÚ:

Phụ nữ mang thai: Độ an toàn của thuốc trên phụ nữ mang thai chưa được chứng minh.

Phụ nữ cho con bú: Chưa rõ clindamycin có được tiết vào sữa mẹ sau khi sử dụng gel T3-Mycin hay không. Tuy nhiên, khi sử dụng theo đường uống và tiêm, đã ghi nhận clindamycin được tiết vào sữa mẹ. Theo nguyên tắc chung, do nhiều thuốc được tiết vào sữa mẹ nên phụ nữ cho con bú không nên sử dụng gel T3-Mycin.

ẢNH HƯỞNG ĐẾN KHẢ NĂNG LÁI XE VÀ VẬN HÀNH MÁY MÓC: Chưa rõ.

LIỀU KHUYẾN DÙNG: thoa một lớp T3 mycin gel mỏng lên vùng da bệnh, hai lần mỗi ngày.

TRIỆU CHỨNG VÀ ĐIỀU TRỊ QUÁ LIỀU: đã có báo cáo về viêm kết tràng giả mạc. Trường hợp nhẹ thường đáp ứng với việc ngưng dùng thuốc đơn thuần. Trường hợp trung bình đến nặng, nên cân nhắc việc điều trị bằng cách bổ sung nước, chất điện giải, protein cho bệnh nhân, và điều trị bằng một loại kháng sinh có hiệu quả lâm sàng đối với viêm kết tràng do *Clostridium difficile*.

ĐÓNG GÓI: 25g/ ống nhựa /hộp

BẢO QUẢN: giữ thuốc trong hộp kín, tránh ánh sáng mạnh. Bảo quản ở nhiệt độ dưới 30°C. Thuốc chỉ dùng ngoài da. Giữ thuốc xa tầm tay trẻ.

HẠN DÙNG: 3 năm kể từ ngày sản xuất.

Không dùng thuốc quá thời hạn sử dụng.

TIÊU CHUẨN ÁP DỤNG: tiêu chuẩn nhà sản xuất.

Sản xuất bởi:

HOE Pharmaceuticals Sdn. Bhd.

Lot 10, Jalan Sultan Mohd. 6, Bandar Sultan Suleiman, 42000 Port Klang, MALAYSIA.

20233A